

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07 tháng 9 năm 2023
“V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con
chung khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Đình Xiềng
2. Bà Nguyễn Thị Lan
- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tấn Lập - Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai.
- D diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê D1 Trung - Kiểm sát viên.
Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 79/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:
- Nguyên đơn: Anh Bùi Quốc T; địa chỉ: Thôn C, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.
- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H; địa chỉ nơi cư trú: Thôn C, xã Y, huyện G, tỉnh Gia Lai; địa chỉ tạm trú: Số nhà N, phường H, quận T, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Nguyên đơn Bùi Quốc T trình bày:*
- Về hôn nhân: Anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn dẫn đến cãi nhau, chị H đi làm xa nhà và có quan hệ tình cảm với người khác, thường xuyên không quan tâm đến gia đình. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 01 năm 2023 đến nay, không thể tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân được nữa nên anh T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị H.
- Về con chung: Anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Bùi Trung D1, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2008 và cháu Bùi Trung D, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013. Hiện nay anh T đang là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con. Ly

hôn, anh T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung và yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/con.

Hiện nay anh T làm nông và làm thuê cho người khác, thu nhập trung bình hàng tháng khoảng là 6.000.000 đồng, có nhà riêng nên có đủ khả năng chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con theo nguyện vọng.

- Về chia tài sản chung: Anh Bùi Quốc T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn Nguyễn Thị H trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H với anh Bùi Quốc T có mối quan hệ là vợ chồng như anh T trình bày. Chị H đồng ý với yêu cầu ly hôn của anh T.

- Về con chung: Chị Nguyễn Thị H và anh Bùi Quốc T có 02 con chung là cháu Bùi Trung D1, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2008 và cháu Bùi Trung D, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013. Chị H đồng ý giao cháu D và cháu D1 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị H đồng ý cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/con.

- Về chia tài sản chung: Chị Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đương sự đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: Giấy chứng nhận kết hôn; Giấy khai sinh cháu Bùi Trung D1 và cháu Bùi Trung D; Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và đơn tự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị H; Biên bản ghi nhận ý kiến của cháu Bùi Trung D1 và cháu Bùi Trung D; Biên bản xác minh ngày 11/7/2023 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến, D diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Đối với bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn và nuôi con chung của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G được quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Đối với bị đơn vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt.

[2] Về hôn nhân: Anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn vào ngày 14/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và có đăng ký kết hôn nên đây là hôn nhân hợp pháp. Hội đồng xét xử thấy rằng, trong thời gian sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm, chị H đi làm ăn xa nhà nhưng lại có quan hệ tình cảm với người khác, vợ chồng đã không còn sống chung từ đầu năm 2023 đến nay, mỗi người đều cư trú và làm việc ở địa pH khác nhau, không còn quan tâm

chăm sóc đến nhau. Như vậy, có đủ căn cứ để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị H đã quá trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh T.

[3] Về con chung: Anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H có 02 con chung là cháu Bùi Trung D1, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2008 và cháu Bùi Trung D, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013. Từ khi vợ chồng ly thân thì con vẫn do anh T trực tiếp chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng và anh T, chị H đều thống nhất giao con chung cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, chị H cấp dưỡng nuôi con với mức 1.000.000 đồng/tháng/con. Hội đồng xét xử thấy rằng việc thống nhất nuôi con nêu trên là phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[4] Về chia tài sản chung: Anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Anh Bùi Quốc T là người khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Chị Nguyễn Thị H là người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Áp dụng Điều 144, Điều 147, Điều 228, Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H.

2. Về con chung:

Giao con chung của anh Bùi Quốc T và chị Nguyễn Thị H là cháu Bùi Trung D1, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2008 và cháu Bùi Trung D, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013 cho anh Bùi Quốc T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Buộc chị Nguyễn Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Bùi Trung D1, sinh ngày 18 tháng 01 năm 2008 và cháu Bùi Trung D, sinh ngày 11 tháng 3 năm 2013 với mức 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/tháng/con, thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng kể từ ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07/9/2023) cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên mà mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Anh Bùi Quốc T là người được nhận tiền cấp dưỡng hàng tháng để chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Quyết định về việc cấp dưỡng nuôi con được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, kháng nghị.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

3. Về án phí: Buộc anh Bùi Quốc T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng phí, lệ phí Tòa án số 0008892 ngày 23/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai. Anh Bùi Quốc T đã nộp đủ tiền án phí; Buộc chị Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện G;
- VKSND tỉnh Gia Lai;
- TAND tỉnh Gia Lai;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã S;
- Các đương sự;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính